TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24/5/2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hoàng Nhiên
2. Ông Nguyễn Thanh S

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 19/2023TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 41/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Anh Lê Minh S, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn 6, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Lê Minh S tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đăng ký kết hôn ngày 03/10/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc. Quá trình chung sống, chị và anh S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, nên từ năm 2008 chị đã về nhà cha mẹ ruột ở đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lê Minh S.

Về con chung: Chị và anh Lê Minh S có 03 con chung là Lê Minh L, sinh năm 2004, Lê Thị Thảo N, sinh ngày 29/4/2006, Lê Hồng H, sinh ngày 06/7/2008. Cháu L đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, cháu N và cháu H sinh sống với chị từ năm 2008 đến nay. Cuộc sống các cháu đã ổn định nên khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Minh S: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh S đều vắng mặt không có lý do. Không có văn bản thể hiện ý kiến của anh S về yêu cầu khởi kiện của chị L. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị L vắng mặt do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Minh S vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung với bị đơn anh Lê Minh S. Bị đơn có địa chỉ và sinh sống ở Thôn 6, xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lê Minh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định của pháp luật tại Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Minh S tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đăng ký kết hôn ngày 03/10/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên quan hệ hôn nhân của hai đương sự là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Theo chị L, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống H phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và từ đó đã không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau và thực hiện nghĩa vụ vợ chồng với nhau. Hiện nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn L lạc với

nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau nhưng anh S vắng mặt chứng tỏ anh S không có thiện chí muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với chị L.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, chung thủy, quan tâm, chăm sóc nhau. Nhưng giữa chị L và anh S không thực hiện được nghĩa vụ vợ chồng với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị L ly hôn với anh S là phù hợp với thực tế và đúng qui định của pháp luật.

Về con chung: Chị L và anh S có 03 con chung là Lê Minh L, sinh năm 2004, Lê Thị Thảo N, sinh ngày 29/4/2006, Lê Hồng H, sinh ngày 06/7/2008. Cháu L đã trưởng thành, chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Đối với cháu N và cháu H, theo chị L, từ khi chị và anh S không chung sống với nhau, hai cháu do chị chăm sóc, nuôi dưỡng và sinh sống với chị nên nay để ổn định việc sinh hoạt và học tập, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con. Xét thấy yêu cầu này của chị L là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Anh S không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

– Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 70, Điều 143, Điều 144, Điều 145, Điều 146, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

– Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

– Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Lê Minh S.

Về con chung: Giao hai con chung tên Lê Thị Thảo N, sinh ngày 29/4/2006, Lê Hồng H, sinh ngày 06/7/2008 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Lê Minh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở

Về án phí:

Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0014352 ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Minh S có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng;
- VKS nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc;
- Cơ quan THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
- UBND xã Hàm Chính;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Thu Thúy